

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH T
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09-8-2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Na Rét.

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2023/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 07 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tô Thị C, sinh 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tô Thị C trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn V tổ chức lễ cưới vào năm 2004, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 17/9/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã do ông V bạo lực gia đình dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, đã ly thân từ năm 2021 đến nay, bà C yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà C yêu cầu được nuôi 03 người con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 24/8/2005, Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 05/6/2013 và Nguyễn Dương H, sinh ngày 29/12/2016, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn V có lời trình bày vào ngày 26/6/2023:

Ông thông nhất với bà C về quan hệ hôn nhân, con chung có 03 người tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 24/8/2005, Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 05/6/2013 và Nguyễn Dương H, sinh ngày 29/12/2016. Trong thời gian chung sống bà C có quan hệ với người khác, ông đã nhiều lần bỏ qua nhưng bà C không thay đổi, bà C lại làm đơn yêu cầu ly hôn, do tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên ông đồng ý ly hôn với bà C.

Về con chung ông yêu cầu được nuôi 03 con chung, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu xem xét và nợ chung không có.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà C được ly hôn với ông V; Về con chung, giao cho bà C được nuôi dưỡng các con Nguyễn Chí T, sinh ngày 24/8/2005, Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 05/6/2013 và Nguyễn Dương H đến khi các con đủ 18 tuổi; cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung và nợ chung, đương sự trình bày không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà C yêu cầu ly hôn với ông V. Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông V được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 17/9/2020 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thể hiện, bà

C và ông V có đăng ký kết hôn, do vậy hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của bà C và ông V trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến nên ly thân từ năm 2021 đến nay. Sau khi ly thân, vợ chồng không còn quan tâm thăm hỏi, lo lắng cho nhau, không còn tình thương yêu vợ chồng, bà C xin ly hôn thì ông V cũng đồng ý ly hôn. Mặt khác, thời gian vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay, mạnh người nào chỉ biết bốn phần của người đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không làm tròn nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà C với ông V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên bà C xin ly hôn là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C được ly hôn với ông V.

[3] Về con chung: Bà C và ông V thống nhất vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 24/8/2005, Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 05/6/2013 và Nguyễn Dương H, sinh ngày 29/12/2016 hiện đang sống với bà C. Bà C và ông V đều yêu cầu được nuôi các con, xét các con sống với bà C đã ổn định về vật chất, lẫn tinh thần và các con đều có nguyện vọng sống với bà C, nên yêu cầu của bà C xin nuôi con là phù hợp, còn ông V nuôi con không được chấp nhận vì các con đều có yêu cầu sống với bà C. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; ...*” nên Hội đồng xét xử giao con cho bà C nuôi dưỡng là có căn cứ pháp luật. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét do bà C không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông V trình bày không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà C người yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Dương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Tô Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho bà Tô Thị C được quyền nuôi dưỡng các con tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 24/8/2005, Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 05/6/2013 và Nguyễn Dương H, sinh ngày 29/12/2016 đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Tô Thị C chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 000 8143 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, bà C nộp xong án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú đề yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã V, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Nam